

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-02-2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đào Thị Giang.

2. Ông Vũ Xuân Tuất.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1116/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1980.

Trú tại: 41/4 Ấp TH, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Vạn Quốc C, sinh năm 1972.

Trú tại: 41/4 Ấp TH, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M có mặt, ông C vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:**

Bà M và ông Vạn Quốc C kết hôn với nhau năm 1999 nhưng do thiếu giấy xác nhận độc thân của ông C nên không đăng ký kết hôn được. Đến năm 2009 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01 ngày 20/10/2009. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng khoảng 04 năm

nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống, tính cách không phù hợp. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà M xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung tên Vạn Mỹ L, sinh ngày 06/5/2001; Vạn Trung Ng, sinh ngày 05/6/2004 và Vạn Như Y, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, hai cháu L và Ng đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y. Tạm thời bà M không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Vạn Quốc C trình bày:*

Ông C và bà Trần Thị M cưới nhau khoảng năm 1999 nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã BH, huyện Trảng Bom cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng 04 tháng nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc. Tuy nhiên vấn đề trên là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có thể thỏa thuận, hòa giải được. Nay bà M xin ly hôn thì ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con, con cái đã lớn vợ chồng ly hôn thì ảnh hưởng đến con cái sau này. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông C được hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung tên Vạn Mỹ L, sinh ngày 06/5/2001; Vạn Trung Ng, sinh ngày 05/6/2004 và Vạn Như Y, sinh ngày 14/11/2012. Do không đồng ý ly hôn nên ông C không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên ông C không có ý kiến gì.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị M. Cho bà M được ly hôn với ông Vạn Quốc C.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung tên Vạn Mỹ L, sinh ngày 06/5/2001; Vạn Trung Ng, sinh ngày 05/6/2004 và Vạn Như Y, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, cháu L và Ng đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Y cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Do các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà M phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Vạn Quốc C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2009 tại UBND xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01 ngày 20/10/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà M, ông C đều xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà M cho rằng vợ chồng mâu do lối sống, tính cách không phù hợp còn ông C cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C đến Tòa án để xét xử nhiều lần nhưng ông C vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà M, ông C không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà M, ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M xin ly hôn với ông C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà M, ông C có 03 người con chung tên Vạn Mỹ L, sinh ngày 06/5/2001; Vạn Trung Ng, sinh ngày 05/6/2004 và Vạn Như Y, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, cháu L và Ng đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà M có nguyện vọng được nuôi cháu Y còn ông C không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Y có nguyện vọng được ở với bà M, đồng thời cháu Y là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên giao cháu Y cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vạn Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Do các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Vạn Quốc C.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Vạn Như Y, sinh ngày 14/11/2012 cho bà Trần Thị M trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Vạn Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Vạn Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Bà Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0001959 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã BH, huyện Trảng Bom,  
tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 88,  
quyền số 01 ngày 20/10/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TRẦN BÁ ĐỨC**